

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐÔNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82/2024/KDTM -ST**

Ngày: 10/9/2024

V/v: *Tranh chấp phát sinh từ
Hợp đồng phân phối.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An;

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Tuyết

Ông Chu Tuấn Anh.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Cán bộ
Tòa án.*

*Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Yên – Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 108/2024/TLST- KDTM
ngày 25/6/2024 về việc “*Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng phân phối*” giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T1. Địa chỉ: A Đ, phường Đ, quận H, TP ..
Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Trung H - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện
theo ủy quyền: Công ty L (Theo Giấy ủy quyền ký kết ngày 01/7/2022) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH T2 Từ T. Địa chỉ: Số A đường N, phường L, quận
Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thế H1 - Giám đốc (vắng
mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Công ty CP T1 trình bày:

Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH T2 Từ T (gọi tắt là Công ty T2) đã ký kết
với Công ty CP T1 (gọi tắt là Công ty T1) Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-
KA. Hợp đồng ghi nhận các điều khoản cơ bản như sau:

Công ty CP T1 đồng ý để Công ty T2 là nhà phân phối của Công ty T1 để kinh doanh các sản phẩm do Công ty CP T1 sản xuất và kinh doanh (ngoại trừ sản phẩm bánh kẹo hộp thời vụ, bánh trung thu và mứt tết các loại sẽ được áp dụng chính sách riêng theo thông báo của Công ty T1) theo chính sách Công ty CP T1 quy định và được quy định rõ trong Hợp đồng phân phối và các phụ lục đính kèm.

Hình thức thanh toán: Nhà phân phối thực hiện thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Công ty CP T1.

Thời hạn thanh toán:

+ Đối với hàng thường ngày gồm dòng sản phẩm bánh khô, kẹo, bánh tươi, nước chấm gia vị: Thời hạn thanh toán cho từng hóa đơn: Không quá 5 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Trong trường hợp Nhà phân phối thanh toán chậm so với quy định thì sẽ bị tính lãi suất trả chậm theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

+ Đối với dòng sản phẩm thời vụ (trung thu/tết): Thực hiện theo chính sách bán hàng riêng về thời hạn, tiến độ thanh toán, công nợ mà Công ty CP T1 áp dụng cho Nhà phân phối. Tuy nhiên Công ty CP T1 bảo lưu quyền cấp hạn mức công nợ cho Nhà phân phối là đặc quyền của Công ty CP T1, Công ty CP T1 là bên duy nhất được đưa ra thời hạn thực hiện.

Trách nhiệm khi chậm thanh toán: Trường hợp nhà phân phối vi phạm thời hạn thanh toán, nhà phân phối phải trả thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất bằng 1,5 lần mức lãi suất cho vay quá hạn do Ngân hàng TMCP N công bố tại thời điểm đến hạn thanh toán tính trên số tiền và số ngày thanh toán chậm (*trường hợp không xác định được mức lãi suất này thì áp dụng mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép tại thời điểm đến hạn thanh toán*).

Sau khi ký kết Hợp đồng, các Bên đã triển khai hoạt động phân phối và kinh doanh sản phẩm. Công ty CP T1 đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng cho Nhà phân phối theo quy định.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ngày 31/3/2021, các Bên ký kết Biên Bản Đối Chiếu Công nợ ghi nhận Công ty TNHH T2 Từ T phải thanh toán cho Công ty CP T1 là **545.867.246 đ.**

Công ty CP T1 đã nhiều lần yêu cầu tuy nhiên Công ty TNHH T2 Từ T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ nêu trên.

Ngày 24/4/2021, Công ty TNHH T2 Từ T gửi Công văn xin giãn nợ, theo đó đề xuất phương án thanh toán 10 triệu đồng/tháng.

Ngày 27/4/2021, Công ty CP T1 gửi Công văn số 109/PC-TPHN đề nghị Công ty TNHH T2 Từ T thanh toán công nợ, đồng thời không đồng ý với đề xuất xin giãn nợ của Công ty TNHH T2 Từ T theo Công văn ngày 24/04/2021 nêu trên. Công ty T1 yêu cầu Công ty TNHH T2 Từ T thanh toán ngay toàn bộ số công nợ không muộn hơn ngày 29/04/2021.

Ngày 10/05/2021, Công ty TNHH T2 Từ T tiếp tục gửi Công văn xin giãn nợ với nội dung: “*Theo biên bản công nợ, công ty tôi còn nợ Quý Công ty: **545.867.246 đồng**. Bằng văn bản này, Công ty tôi kính đề nghị Quý Công ty CP T1 cho chúng tôi xin được giãn nợ. chúng tôi sẽ thu xếp tiền để thanh toán cho Q Công ty mỗi tháng trả 10 triệu đồng. Về việc Công ty TNHH T3 Từ T xin giãn nợ theo Công văn đã gửi Công ty T1 ngày 24/04/2021, hiện tại Công ty TNHH T3 Từ T không có khả năng thanh toán do làm ăn thua lỗ, vì vậy kính đề nghị Quý Công ty CP T4 Hữu Nghị tạo điều kiện giúp đỡ*”.

Ngày 18/05/2021, tại Công văn số 146/PC-TPHN Công ty CP T1 phản hồi không đồng ý với đề xuất xin giãn nợ và yêu cầu Công ty TNHH T2 Từ T thanh toán ngay lập tức và vô điều kiện công nợ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH T2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP T1. Theo đó quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty CP T1 bị xâm phạm và ảnh hưởng nghiêm trọng.

Nay, Công ty CP T1 yêu cầu Tòa giải quyết:

1/ Yêu cầu Công ty TNHH T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số công nợ còn lại đối với Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-KA. Số công nợ hai bên đã xác nhận tại Biên Bản Đ Công nợ cụ thể là **545.867.246 đ**.

2/ Yêu cầu Công ty TNHH T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần lãi chậm trả phát sinh đối với phần công nợ chưa thanh toán (*theo quy định tại điểm a khoản 11.3 Điều 11 của Hợp đồng phân phối đã ký kết*). Số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 01/11/2023 là: **163.233.001đ**. Lãi chậm trả phát sinh là **11,55%** được xác định bằng **1,5 lần** mức lãi suất cho vay quá hạn do Ngân hàng TMCP N công bố ngày 20/6/2023 là **7,7%/năm** đối với gói vay sản xuất kinh doanh ngắn hạn với khoản vay từ 9 đến dưới 12 tháng.

Tổng số tiền Công ty TNHH T2 Từ T phải thanh toán cho Công ty CP T1 tạm tính đến ngày 01/11/2023 là: **709.100.246đ.**

Bị đơn – Công ty TNHH T2 do ông Trần Thế H1 – Giám đốc Đại diện theo pháp luật: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án cũng không lấy được lời khai của bị đơn nên các thủ tục tố tụng đối với bị đơn đã được tiến hành niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đề nghị: Công ty CP T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Yêu cầu Công ty TNHH T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số công nợ còn lại đối với Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-KA. Số công nợ hai bên đã xác nhận tại B Đối Chiếu Công nợ cụ thể là **545.867.246đ (nợ gốc).**

+ Yêu cầu Công ty TNHH T2 Từ T thực hiện nghĩa vụ thanh toán phần lãi chậm trả phát sinh đến ngày 10/9/2024 là **217,471,268đ.** Tổng số tiền Công ty TNHH T2 Từ T phải thanh toán cho Công ty T1 tính đến ngày 10/9/2024 là: **763.338.513đ.**

- Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 30, 35, 39 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 319, Điều 306 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Thẩm quyền: Công ty CP T1 khởi kiện Công ty TNHH T2 Từ T có trụ sở tại Số A đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội về việc: “*Đòi tiền phát sinh từ HĐ phân phối*” tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn - Công ty TNHH T2 Từ T vắng mặt (lần 2). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bình thường vắng Công ty TNHH T2 Từ T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 02/01/2020, Công ty TNHH T2 Từ T đã ký kết với Công ty CP T1 Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-KA. Hợp đồng ghi nhận các điều khoản cơ bản như sau: Công ty CP T1 đồng ý để Công ty TNHH T2 Từ T là nhà phân phối của Công ty CP T1 để kinh doanh các sản phẩm do Công ty CP T1 sản xuất và kinh doanh (ngoại trừ sản phẩm bánh kẹo hộp thời vụ, bánh trung thu và mứt tết các loại sẽ được áp dụng chính sách riêng theo thông báo của Công ty CP T1) theo chính sách Công ty CP T1 quy định và được quy định rõ trong Hợp đồng phân phối và các phụ lục đính kèm.

Các bên đã thực hiện theo HĐ đã ký kết nêu trên.

Ngày 31/3/2021, các bên ký kết Biên bản đối chiếu công nợ ghi nhận Công ty TNHH T2 Từ T phải thanh toán cho Công ty CP T1 là **545.867.246 đ.**

Ngày 24/4/2021, Công ty TNHH T2 Từ T gửi Công văn xin giãn nợ, theo đó đề xuất phương án thanh toán 10 triệu đồng/tháng.

Ngày 27/4/2021, Công ty CP T1 gửi Công văn số 109/PC-TPHN đề nghị Công ty TNHH T2 Từ T thanh toán công nợ, đồng thời không đồng ý với đề xuất xin giãn nợ của Công ty Từ Tâm theo Công văn ngày 24/04/2021 nêu trên. Công ty CP T1 yêu cầu Công ty TNHH T2 Từ T thanh toán ngay toàn bộ số công nợ không muộn hơn ngày 29/4/2021.

Ngày 10/5/2021, Công ty TNHH T2 Từ T tiếp tục gửi Công văn xin giãn nợ với nội dung: *“Theo biên bản công nợ, công ty tôi còn nợ Quý Công ty: **545.867.246 đồng**. Bằng văn bản này, Công ty tôi kính đề nghị Quý Công ty CP T1 cho chúng tôi xin được giãn nợ. chúng tôi sẽ thu xếp tiền để thanh toán cho Q Công ty mỗi tháng trả 10 triệu đồng. Về việc Công ty TNHH T3 Từ T xin giãn nợ theo Công văn đã gửi Công ty T1 ngày 24/4/2021, hiện tại Công ty TNHH T3 Từ T không có khả năng thanh toán do làm ăn thua lỗ, vì vậy kính đề nghị Quý Công ty CP T4 Hữu Nghị tạo điều kiện giúp đỡ”*.

Do Công ty TNHH T2 Từ T chưa thanh toán trả Công ty CP T1 số tiền trên nên việc Công ty TNHH T2 Từ T khởi kiện yêu cầu Công ty CP T1 phải thanh toán số nợ trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

*Xét yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về lãi suất chậm thanh toán: Công ty CP T1 đề nghị tính mức lãi suất chậm trả bằng **11,55%/năm**.

Xét thấy: Mức lãi suất trên là không trái quy định của pháp luật về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Mức lãi suất 11,55%/năm phù hợp quy định tại Điều 306 Luật thương mại và không làm thiệt hại cho Công ty TNHH T2 Từ T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất chậm thanh toán 11,55%/năm và số tiền lãi do Công ty CP T1 đã tính.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn như sau:

+ Xác nhận Công ty TNHH T2 Từ T còn nợ của Công ty CP T1 số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-KA ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH T2 Từ T với Công ty CP T1 gồm các khoản: Nợ gốc là: **545.867.246 đồng**; Nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 10/9/2024 là: **217,471,268đ**. Tổng số tiền Công ty TNHH T2 Từ T phải thanh toán cho Công ty T1 tính đến ngày 10/9/2024 là: **763.338.513đ**.

+ Buộc Công ty TNHH T2 Từ T phải trả cho Công ty T1 tổng số nợ là: **763.338.513đ**.

*Án phí: Công ty TNHH T2 Từ T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty CP T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 24, Điều 50, Điều 319, Điều 306 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CP Thực phẩm T1 đối với Công ty TNHH T2 Từ T về việc “Đòi tiền phát sinh từ HĐ phân phối - Hợp đồng kinh tế số 01/TPHN-BH-KA 02/01/2020”.

2/ Xác nhận: Xác nhận Công ty TNHH T2 Từ T còn nợ của Công ty CP T1 số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng phân phối số 01/TPHN-BH-KA ngày 02/01/2020 giữa Công ty TNHH T2 Từ T với Công ty CP T1 gồm các khoản: Nợ gốc là: **545.867.246**

đồng; Nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 10/9/2024 là: **217,471,268đ.** Tổng số tiền Công ty TNHH T2 Từ T nợ Công ty T1 là: **763.338.513đ.**

3/ Buộc Công ty TNHH T2 Từ T phải trả cho Công ty T1 tổng số nợ là: 763.338.513đ.

4/ Án phí: Công ty TNHH T2 Từ T phải chịu 34.533.540 đồng án phí kinh doanh thương mại.

Trả lại cho CTCP Thực phẩm T1 số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp 17.800.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa theo biên lai số 0019496 ngày 24/6/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND Q.Đ;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Q.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị An.